

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 3 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Điền

Bà Quách Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bé N, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 267/3, ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Kang, sinh năm 1976; cư trú tại: Đài Loan (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bé N trình bày: Chị và anh Kang tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2018, tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi kết hôn chị N và anh Kang cùng sống với nhau khoảng 10 ngày. Sau đó đến ngày 25/7/2018 thì anh Kang về Đài Loan. Từ khi về Đài Loan đến nay thì anh Kang không sang Việt Nam thăm chị N và cũng không làm thủ tục bảo lãnh chị N

sang Đài Loan. Chị N xác định do anh Kang không làm thủ tục bảo lãnh chị N sang Đài Loan chung sống và không còn liên lạc với nhau nên chị N và anh Kang không thể quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người ở một nơi. Mặt khác, anh Kang yêu cầu được ly hôn với chị N. Nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh Kang. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Kang, khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhận được “Đơn xin ly hôn” và “Đơn xin vắng mặt” đề ngày 06/11/2018 của anh Kang (đã hợp thức hóa lãnh sự) nội dung: Anh Kang yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bé N; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời anh Kang yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 55 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bé N đối với anh Kang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự, Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Kang có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã nhận được văn bản ghi ý kiến của anh Kang và anh Kang yêu cầu được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Kang.

[3] Xét yêu cầu của chị Lê Thị Bé N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Lê Thị Bé N và anh Kang tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/7/2018 và được Ủy

ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh Kang là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Kang và chị N chung sống với nhau khoảng 10 ngày thì anh Kang về Đài Loan cho đến nay. Từ khi về Đài Loan anh Kang và chị N không còn liên lạc với nhau đồng thời anh Kang không làm thủ tục bảo lãnh chị N sang Đài Loan chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kang.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, nhưng hôn nhân của chị N và anh Kang không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và hiện nay chị N và anh Kang mỗi người một nơi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, chị N yêu cầu ly hôn thì anh Kang cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Kang.

[5] Trong quá trình chung sống chị Lê Thị Bé N và anh Kang xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Bé N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bé N và anh Kang.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bé N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng. Chị Lê Thị Bé N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010052 ngày 11 tháng 02 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Lê Thị Bé N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; anh Kang có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND Phường 16, Quận 4, Tp. HCM;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều